

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HS-ST

Ngày 20-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Phúc;

Ông Lê Văn Rễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Lê Thị Kim P** (tên gọi khác: **D**), sinh năm: 1977, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T và bà Phan Thị X; có chồng và 01 con sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/6/2021 đến ngày 15/6/201 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. có mặt

2. **Lê Thị Kim P1** (tên gọi khác: **L**), sinh ngày 01/01/1970, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh D (đã chết) và bà Phan Thị N; có chồng (đã ly hôn) và 02 con, sinh năm 1989 và 1992; tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021 đến ngày 15/6/201 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06/6/2021, Lê Thị Kim P (D), ghi bán số đề qua điện thoại và gặp trực tiếp tại nhà, được thua dựa trên kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Tiền Giang cho 09 người mua số đề, với tổng số tiền trên phôi đề là 18.060.000 đồng. Trong đó: Lê Thị Kim P (L) mua tổng cộng 13 con số đề với tổng số tiền là 10.450.000 đồng; Lê Văn T (C), sinh năm 1959, trú tại: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh mua tổng cộng 06 con số đề với tổng số tiền là 225.000 đồng; Nguyễn Văn T, sinh năm 1946, trú tại: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh mua tổng cộng 02 con số đề với tổng số tiền là 95.000 đồng; Tr (khoảng 30 tuổi, không rõ lai lịch) mua tổng cộng 06 con số đề với tổng số tiền là 780.000 đồng; Th (khoảng 30 tuổi, không rõ lai lịch) mua tổng cộng 02 con số đề với tổng số tiền là 3.400.000 đồng; 04 người bán vé số (không rõ lai lịch) mua số đề với tổng số tiền là 3.110.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày thì P (D) tập hợp các con số đề vào 03 tờ giấy lịch trên phôi đề, bị lực lượng Công an bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: 03 tờ giấy có ghi các con số đề; 01 cây viết mực màu xanh; tiền Việt Nam 10.560.000 đồng; 02 điện thoại di động.

Lê Thị Kim P (D) khai nhận: Bắt đầu bán số đề và để lại làm thầu từ ngày 01/6/2021 đến ngày 06/6/2021 thì bị bắt quả tang. Hàng ngày P (D) bán số đề cho từ 07 đến 09 người mua số đề, với số tiền khoảng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, các phôi đề P (D) ghi khi có kết quả xổ số và tính tiền xong thì đốt hết. Từ khi ghi bán số đề đến khi bị bắt quả tang P (D) thu lợi được 3.000.000 đồng. Đến ngày 06/6/2021 chưa có kết quả xổ số thì bị bắt quả tang.

Lê Thị Kim P (L) khai nhận: Khoảng 15 giờ 42 phút ngày 06/6/2021 mua lô số đề của P (D) tổng cộng 13 con số đề với tổng số tiền là 10.450.000 đồng, do trừ phần trăm nên P (D) chỉ lấy số tiền 7.360.000 đồng, P1 (L) chưa đưa số tiền mua số đề cho P (D), mà đợi kết quả xổ số xong mới tính tiền, nhưng chưa có kết quả xổ số thì P (D) bị bắt quả tang.

*** Vật chứng thu giữ:**

- Thu của Lê Thị Kim P (D): Tiền Việt Nam 10.560.000 (mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng, 01 (một) cây viết mực màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số Imel1: 860750040440454, bên trong có sim số 0943036752.

- Thu của Lê Thị Kim P1 (L): 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, số Imel: 355323085718093, bên trong có sim số 0917915749 đã qua sử dụng.

Bị cáo Lê Thị Kim P (D) có sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 9.130 m² tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24/7/2006 do ông Lê Tấn L và bà Lê Thị Kim P đứng tên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã gửi văn bản đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện B đề nghị tạm ngừng mọi hoạt động giao dịch mua, bán, cho, mua, bán, trao đổi, thế chấp.

Bị cáo Lê Thị Kim P1 (L) có tài khoản tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh số tiền 30.000.000 đồng, Tòa án nhân dân huyện B đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số: 09/2021/HSST-LPTTK ngày 17/9/2021 đối với tài khoản số 5708601343474 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B mang tên Lê Thị Kim P1 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Tại bản Cáo trạng số: 61/CT-VKSBC ngày 09 tháng 8 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Lê Thị Kim P (D) và Lê Thị Kim P1 (L) về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Kim P (D) và Lê Thị Kim P1 (L) đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Kim P (D) và Lê Thị Kim P1 (L) phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim P (D) từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim P1 (L) từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng trong vụ án theo quy định pháp luật. Đề nghị buộc bị cáo Lê Thị Kim P1 (L) nộp lại số tiền dùng vào việc đánh bạc là 10.450.000 (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Buộc Lê Thị Kim P (D) nộp tiếp số tiền bán số đề chưa thu được để sung vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa.

Các bị cáo không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội danh: Ngày 06/6/2021, Lê Thị Kim P (D) ghi bán số đề tại nhà, kết quả thắng thua dựa trên kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Tiền Giang cho 09 người mua số đề, với tổng số tiền của những người mua số đề trên phôi đề là 18.060.000 đồng, cụ thể: Lê Văn T (C), sinh năm 1959, trú tại: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh mua tổng cộng 06 con số đề với tổng số tiền là 225.000 đồng; Nguyễn Văn T, sinh năm 1946, trú tại: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh mua tổng cộng 02 con số đề với tổng số tiền là: 95.000 đồng; Tr (khoảng 30 tuổi, không rõ lai lịch) mua tổng cộng 06 con số đề với tổng số tiền là 780.000 đồng; Th (khoảng 30 tuổi, không rõ lai lịch) mua tổng cộng 02 con số đề với tổng số tiền là 3.400.000 đồng; 04 người bán vé số (không rõ lai lịch) mua số đề với tổng số tiền là 3.110.000 đồng và Lê Thị Kim P (L) mua 13 con số đề với tổng số tiền là 10.450.000 đồng. Đến 15 giờ 50 phút cùng ngày, khi chưa có kết quả xổ số thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của Nhà nước nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó có đủ căn cứ xác định các bị cáo Lê Thị Kim P (D) và Lê Thị Kim P1 (L) phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã truy tố là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn thu lợi bất chính cao bằng con đường cờ bạc, xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo phạm tội không có tổ chức nên mỗi bị cáo chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Cụ thể: bị cáo P (D) làm thầu đề và bán số đề cho nhiều người đã thu lợi 3.000.000 đồng, bị cáo

P1 (L) mua số đề nên bị cáo P (D) phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo P (L).

[5] Khi quyết định hình phạt, có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[5.1] Tình tiết tăng nặng: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Áp dụng hình phạt: xét thấy Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ, bởi vì: các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có tài sản nên nhận thấy phạt các bị cáo một khoản tiền để sung vào ngân sách nhà nước cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Đối với: Tiền Việt Nam 10.560.000 (mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trong đó gồm 5.192.000 (năm triệu một trăm chín mươi hai nghìn) đồng là tiền bán số đề, 3.000.000 (ba triệu) đồng là tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Riêng số tiền 2.368.000 (hai triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn) đồng là tài sản của bị cáo P (D) cho khấu trừ với số tiền 2.418.000 (hai triệu bốn trăm mười tám nghìn) đồng là tiền bán số đề chênh lệch do khuyến mãi cho người mua và nợ thì bị cáo P (D) phải nộp tiếp 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

- Đối với 01 (một) cây viết mực màu xanh là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số Imel1: 860750040440454, bên trong có sim số 0943036752, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, số Imel: 355323085718093, bên trong có sim số 0917915749 đã qua sử dụng là phương tiện các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, tang vật của vụ án nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Bị cáo Lê Thị Kim P1 (L) phải nộp lại số tiền tham gia đánh bạc là 10.450.000 (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Tiếp tục thực hiện Lệnh phong tỏa tài khoản số: 09/2021/HSST-LPTTK ngày 17/9/2021 đối với tài khoản số 5708601343474 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B mang tên

Lê Thị Kim P1 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Tiếp tục thực hiện công văn số 168/CV-CQCSĐT ngày 07/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B về việc tạm ngừng mọi hoạt động giao dịch mua, bán, cho, mua, bán, trao đổi, thế chấp đối với quyền sử dụng đất của vợ chồng bị cáo Lê Thị Kim P (D) để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim P (D) phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim P (D): 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim P1 (L) phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim P1 (L): 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

3. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây viết mực màu xanh;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- Tiền Việt Nam 10.560.000 (mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số Imel1: 860750040440454, bên trong có sim số 0943036752; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, số Imel: 355323085718093, bên trong có sim số 0917915749 đã qua sử dụng;

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/8/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh)

- Buộc bị cáo Lê Thị Kim P (D) nộp lại số tiền 50.000 (năm mươi nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Thị Kim P1 (L) nộp lại số tiền 10.450.000 (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Căn cứ Điều 126 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục thực hiện Lệnh phong tỏa tài khoản số: 09/2021/HSST-LPTTK ngày 17/9/2021 đối với tài

khoản số 5708601343474 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B mang tên Lê Thị Kim P (L) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Thị Kim P (D) và Lê Thị Kim P1 (L) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KT.NV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh;
- Nhà tạm giữ;
- THÁ phạt tù;
- THÁDS huyện B;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Chu Y